TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156 /2022/DS- ST
Ngày: 31 - 5 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXX - ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2022/QĐST- DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi N, Phường 8, Quận 3, Tp. H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B (theo giấy ủy quyền số 199/2021/GUQ-CNBĐ ngày 15/11/2021).

Địa chỉ: 98 Mai Xuân T, Tp. Q, tỉnh B

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang L, sinh năm 1978

Địa chỉ: 54 Phùng Khắc K, Tp. Q, tỉnh B

Trú tại: 15 Ngô Gia K, Tp. Quy N, tỉnh B

(Ông H có mặt; ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, ông Trần Đức H trình bày:

Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B cho ông Trần Quang L vay tín chấp tiêu dùng số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1830400222 ngày 31/10/2018 (Gói vay vốn phục vụ đời sống nhỏ, lẻ không áp dụng biện pháp bảo đảm). Số tiền nhận nợ 70.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng. Lãi suất: 9,5%/năm. Tài sản thế chấp: không. Ngày đáo hạn: 31/10/2021. Phương thức trả nợ: trả góp vốn và lãi hàng tháng. Ngày trả lãi: ngày 01 hàng tháng, số tiền: 554.200 đồng/tháng. Ngày trả vốn: ngày 01 hàng tháng, số tiền: 1.945.000 đồng/tháng. Ngày trả vốn kỳ cuối: 31/10/2021, số tiền: 1.925.000 đồng.

Đến kỳ trả nợ tháng 05/2021, dư nợ của ông Trần Quang L là 11.650.000 đồng nhưng ông L không tiếp tục thanh toán vốn lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông L nhưng khách hàng không hợp tác để đưa ra phương án trả nợ nên khoản vay đã chuyển quá hạn. Ngày 30/9/2021, ông L chỉ trả tiền gốc 2.500.000 đồng, còn nợ 9.150.000 đồng. Tổng số tiền ông L đã trả cho Ngân hàng tiền gốc 60.850.000 đồng và tiền lãi 16.626.000 đồng. Đến ngày 15/11/2021, toàn bộ khoản vay của ông L đã chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Trần Quang L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến hết ngày 31/5/2022 là 13.813.558 đồng; trong đó: tiền gốc: 9.150.000 đồng, lãi trong hạn 3.325.200 đồng, lãi quá hạn 1.075.379 đồng, lãi chậm trả 262.979 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 01/6/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

- *Bị đơn*: Ông Trần Quang L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông L không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Trần Quang L phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến hết ngày 31/5/2022 là 13.813.558 đồng; trong đó: tiền gốc: 9.150.000 đồng và tiền lãi 6.663.558 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Quang L, địa chỉ: 54 Phùng Khắc K, Tp. Q, tỉnh B (trú tại: 15 Ngô Gia K, Tp. Q, tỉnh B) trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1830400222 ngày 31/10/2018 mà các bên đã ký kết với mục đích vay tiêu dùng nên quan hệ pháp luật được xác định: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc trường hợp tranh chấp về dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Quang L nhưng ông L không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nhà và nơi cư trú để tiến hành lấy lời khai nhưng ông L vắng mặt nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định nhưng ông L không có mặt tại phiên toà, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; đây là trường hợp cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Trần Quang L có vay Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B với số tiền 70.000.000đ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1830400222 ngày 31/10/2018. Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất 9,5%. Phương thức trả nợ: trả góp vốn và lãi vào ngày 01 hàng tháng. Số kỳ trả nợ: 36 kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 01/12/2018. Kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31/10/2021. Số tiền trả mỗi kỳ 2.499.200 đồng (tiền gốc 1.945.000 đồng/tháng và tiền lãi 554.200 đồng/tháng. Số tiền trả kỳ cuối 2.479.200 đồng (tiền gốc 1.925.000 đồng/tháng và tiền lãi 554.200 đồng/tháng).

Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1830400222 ngày 31/10/2018 do các bên tự nguyện giao kết bởi những người

có đủ thẩm quyền, hình thức và nội dung của văn bản này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

Quá trình vay tại Ngân hàng, ông L đã trả tổng cộng 77.476.000 đồng, trong đó: tiền gốc 60.850.000 đồng và tiền lãi 16.626.000 đồng nhưng sau đó ông L không tiếp tục trả nợ theo quy định. Thời gian qua, Ngân hàng nhiều lần làm việc, đôn đốc ông L nhưng cho đến nay ông L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay của ông L đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 31/5/2022 ông L còn nợ Ngân hàng tổng cộng 13.813.558 đồng; trong đó: tiền gốc: 9.150.000 đồng, lãi trong hạn 3.325.200 đồng, lãi quá hạn 1.075.379 đồng, lãi chậm trả 262.979 đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Trần Quang L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2022 là 13.813.558 đồng và tiếp tục trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1830900016 ngày 05/11/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Trần Quang L phải chịu 690.677 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP S không phải chịu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc ông Trần Quang L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2022 là 13.813.558 đồng (trong đó:

tiền gốc: 9.150.000 đồng, tiền lãi trong hạn 3.325.200 đồng, tiền lãi quá hạn 1.075.379 đồng, tiền lãi chậm trả 262.979 đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quang L phải chịu 690.677 đồng Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 323.000 đồng theo biên lai thu số 0003090 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Quang L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1830400222 ngày 31/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1830400222 ngày 31/10/2018 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà ông Trần Quang L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ung Quang Định